

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Đề án Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi
tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2019 - 2020, đến năm 2025**

Căn cứ Quyết định số 1781/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi Việt Nam giai đoạn 2012 - 2020; Quyết định số 7618/QĐ-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Đề án chăm sóc sức khỏe người cao tuổi giai đoạn 2016 - 2025; Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2018 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ và Ban thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác Dân số trong tình hình mới, Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án chăm sóc sức khỏe người cao tuổi (NCT) trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2019 - 2020, đến năm 2025, với các nội dung như sau:

I. Sự cần thiết:

Hậu Giang bước vào giai đoạn già hóa dân số năm 2013 và tỷ lệ này tăng qua từng năm; năm 2013 là 10%; năm 2014 là 11%; năm 2017 là 13,8% trên tổng dân số, cao hơn mặt bằng cả nước (11%). Dự báo đến năm 2025 là 20,6%, năm 2030 là 32,4%.

Hiện nay, Hậu Giang có 104.795 NCT từ 60 tuổi trở lên. Đa số NCT sống ở vùng nông thôn, đời sống vật chất còn nhiều khó khăn, hiện có trên 10% NCT thuộc diện hộ nghèo, ít có người chăm sóc, đối diện với gánh nặng “bệnh tật kép”, nguy cơ tàn phế do quá trình lão hóa và chi phí điều trị lớn. Tuy nhiên, hiện hệ thống chăm sóc sức khỏe cho NCT chưa đảm bảo từ tỉnh đến xã về số lượng cũng như chất lượng. Toàn tỉnh hiện chỉ có Bệnh viện đa khoa tỉnh Hậu Giang có khoa lão khoa còn các Trung tâm Y tế tuyến huyện thì chưa, việc chăm sóc sức khỏe NCT được thực hiện lồng ghép với khoa nội của đơn vị; về nhân lực các chuyên khoa chăm sóc sức khỏe cho NCT còn thiếu và yếu. Bên cạnh đó, người dân sống tập trung tại các vùng nông thôn, từ đó thiếu thông tin, kiến thức về bệnh, kiến thức về chăm sóc sức khỏe, nên tự bản thân NCT và gia đình chưa áp dụng các biện pháp phòng ngừa bệnh tật, phần lớn chưa có thói quen khám sức khỏe định kỳ.

Nhằm tăng cường số năm sống khỏe mạnh, giảm nguy cơ tàn phế do quá trình lão hóa và chi phí điều trị lớn, giảm gánh nặng bệnh tật của NCT cho gia đình và xã hội, góp phần thúc đẩy kinh tế của tỉnh phát triển, do đó cần ban hành Kế hoạch thực hiện chăm sóc sức khỏe, nâng cao kiến thức tự chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho NCT và gia đình, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ y tế về khám, điều trị và chăm sóc các bệnh lão khoa là rất cần thiết.

II. Mục tiêu:

1. Mục tiêu chung:

Đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe NCT, thích ứng với giai đoạn già hóa dân số góp phần thực hiện Chương trình hành động quốc gia về NCT, Chiến lược Dân số và sức khỏe sinh sản, Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động chăm sóc và phát huy vai trò NCT phù hợp với tiềm năng và trình độ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể:

* **Mục tiêu 1:** Nâng cao nhận thức, tạo môi trường xã hội đồng thuận và phong trào toàn xã hội tham gia chăm sóc sức khỏe NCT, với các chỉ tiêu cụ thể:

- Giai đoạn 2019 - 2020:

+ 90% lãnh đạo, các cấp ủy Đảng chính quyền, ban ngành đoàn thể được cung cấp thông tin về già hóa dân số, thực trạng, nhu cầu chăm sóc sức khỏe NCT; ban hành văn bản chỉ đạo, kế hoạch về chăm sóc sức khỏe NCT;

+ 90% NCT hoặc người thân trực tiếp chăm sóc NCT biết thông tin về già hóa dân số, quyền được chăm sóc sức khỏe của NCT và các kiến thức chăm sóc sức khỏe NCT.

- Giai đoạn 2021 - 2025:

+ 100% lãnh đạo, các cấp ủy Đảng chính quyền, ban ngành đoàn thể được cung cấp thông tin về già hóa dân số, thực trạng, nhu cầu chăm sóc sức khỏe NCT; ban hành văn bản chỉ đạo, kế hoạch về chăm sóc sức khỏe NCT;

+ 100% NCT hoặc người thân trực tiếp chăm sóc NCT biết thông tin về già hóa dân số, quyền được chăm sóc sức khỏe của NCT và các kiến thức chăm sóc sức khỏe NCT.

* **Mục tiêu 2:** Nâng cao sức khỏe của NCT trên cơ sở nâng cao kiến thức, kỹ năng tự chăm sóc sức khỏe và tăng khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu của NCT, với các chỉ tiêu cụ thể:

- Giai đoạn 2019 - 2020:

+ 60% NCT có khả năng tự chăm sóc, được cung cấp kiến thức, kỹ năng tự chăm sóc sức khỏe;

+ 60% NCT được khám sức khỏe định kỳ ít nhất một lần/năm và được lập hồ sơ theo dõi, quản lý sức khỏe.

- Giai đoạn 2021 - 2025:

+ 80% NCT có khả năng tự chăm sóc, được cung cấp kiến thức, kỹ năng tự chăm sóc sức khỏe;

+ 80% NCT được khám sức khỏe định kỳ ít nhất một lần/năm và được lập hồ sơ theo dõi, quản lý sức khỏe.

* **Mục tiêu 3:** Đáp ứng đầy đủ nhu cầu khám, chữa bệnh của NCT với chất lượng ngày càng cao, chi phí và hình thức phù hợp (tại các cơ sở y tế, tại nhà,...), với các chỉ tiêu cụ thể:

- Giai đoạn 2019 – 2020:

- + 70% NCT khi bị bệnh được tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe;
- + Bệnh viện đa khoa tỉnh, Trung tâm Y tế huyện có khoa lão khoa hoặc dành một số giường để điều trị người bệnh là NCT;
- + 80% NCT có thẻ BHYT.

- Giai đoạn 2021 - 2025:

- + 90% NCT khi bị bệnh được tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe;
- + Bệnh viện đa khoa tỉnh, Trung tâm Y tế huyện có khoa lão khoa hoặc dành một số giường để điều trị người bệnh là NCT;
- + 100% NCT có thẻ BHYT.

*** Mục tiêu 4:** Đáp ứng ngày càng đầy đủ nhu cầu chăm sóc sức khỏe dài hạn của NCT tại gia đình, cộng đồng và trong cơ sở chăm sóc sức khỏe tập trung, với các chỉ tiêu cụ thể:

- Giai đoạn 2019 - 2020:

- + 80% NCT không có khả năng tự chăm sóc, được chăm sóc sức khỏe bởi gia đình và cộng đồng;
- + 30% NCT không nơi nương tựa, không còn khả năng tự chăm sóc, không có người trợ giúp tại nhà và có điều kiện chi trả được chăm sóc trong các cơ sở chăm sóc sức khỏe tập trung.

- Giai đoạn 2021 - 2025:

- + 100% NCT không có khả năng tự chăm sóc, được chăm sóc sức khỏe bởi gia đình và cộng đồng;
- + Tăng ít nhất 2 lần số NCT không nơi nương tựa, không còn khả năng tự chăm sóc, không có người trợ giúp tại nhà và có điều kiện chi trả được chăm sóc trong các cơ sở chăm sóc sức khỏe tập trung so với giai đoạn 2019 - 2020.

III. Phạm vi, đối tượng và thời gian thực hiện:

1. Phạm vi

Đề án được triển khai thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh (76/76 xã, phường, thị trấn).

2. Đối tượng

- Đối tượng thụ hưởng: NCT, gia đình có NCT.
- Đối tượng tác động: cấp ủy Đảng, chính quyền và ban, ngành, đoàn thể; cán bộ y tế, dân số; tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Đề án; cộng đồng NCT sinh sống.

3. Thời gian

Đề án được thực hiện từ 2019 đến 2025 và chia làm 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1 (2019 - 2020): tập trung chăm sóc sức khỏe NCT tại cộng đồng; tăng cường các hoạt động truyền thông thay đổi hành vi; tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho NCT, lập hồ sơ quản lý sức khỏe NCT tại Trạm Y tế xã;

tăng cường năng lực khám chữa bệnh cho NCT của các cơ sở y tế; xây dựng tổ chức, quản lý chăm sóc sức khỏe NCT; xây dựng các tài liệu, chương trình đào tạo và tổ chức đào tạo về chăm sóc sức khỏe NCT; thử nghiệm các mô hình, loại hình chăm sóc sức khỏe NCT dài hạn; thí điểm xây dựng phong trào xã, phường, thị trấn phù hợp với NCT; thực hiện một số nghiên cứu về chăm sóc sức khỏe NCT.

- Giai đoạn 2 (2021 - 2025): tổng kết giai đoạn 1, lựa chọn đẩy mạnh các hoạt động của đề án đã triển khai có hiệu quả trong giai đoạn 1; nhân rộng các mô hình chăm sóc sức khỏe dài hạn cho NCT, ưu tiên cho các mô hình chăm sóc sức khỏe NCT tại cộng đồng; tạo môi trường thân thiện cho NCT thông qua việc thúc đẩy phong trào xã, phường, thị trấn phù hợp với NCT; huy động các nguồn lực bao gồm cả tư nhân trong việc thực hiện chăm sóc sức khỏe NCT.

IV. Các giải pháp, nhiệm vụ và hoạt động chủ yếu:

1. Lãnh đạo, tổ chức và quản lý:

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng và chính quyền đối với công tác chăm sóc sức khỏe NCT tại cộng đồng; xem công tác này là nhiệm vụ trọng tâm trong các chương trình, kế hoạch công tác thường xuyên của các cấp ủy Đảng, chính quyền.

- Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác truyền thông và cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe NCT và các đơn vị có liên quan trong việc phối hợp thực hiện; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý; tăng cường phối hợp với các đơn vị có liên quan; báo cáo, kiểm tra, giám sát đảm bảo kế hoạch được thực hiện đúng, hiệu quả.

2. Tăng cường truyền thông giáo dục thay đổi hành vi nâng cao nhận thức, tạo môi trường xã hội đồng thuận tham gia chăm sóc sức khỏe NCT:

- Thường xuyên tổ chức truyền thông trực tiếp như tập huấn cung cấp kiến thức, nói chuyện chuyên đề,... tại cộng đồng và xây dựng các chuyên trang trên phương tiện thông tin đại chúng về mục đích, ý nghĩa, các nội dung, lợi ích trong việc chăm sóc sức khỏe NCT, kiến thức về rèn luyện thân thể, tăng cường sức khỏe và phòng bệnh, đặc biệt là các bệnh thường gặp ở NCT để NCT tự phòng bệnh, hướng dẫn NCT các kỹ năng phòng bệnh, chữa bệnh và tự chăm sóc sức khỏe,... và lợi ích của việc tham gia BHYT.

- Tổ chức hội thảo cung cấp thông tin cho cấp ủy Đảng và chính quyền, đoàn thể các cấp, các chức sắc, tôn giáo, những người có uy tín trong cộng đồng: mỗi năm dự kiến tổ chức 01 hội thảo cấp tỉnh và 08 hội thảo cấp huyện.

- Sản xuất, nhân bản sản phẩm truyền thông như: pano, tờ rơi, áp phích,...

- Khuyến khích cán bộ y tế nghỉ hưu tham gia tình nguyện viên hoặc tham gia tập huấn cho tình nguyện viên về kiến thức cần thiết trong chăm sóc sức khỏe NCT.

- Xây dựng và phổ biến mô hình chăm sóc sức khỏe dài hạn cho NCT như:

+ Duy trì các câu lạc bộ chăm sóc sức khỏe NCT, lồng ghép các nội dung tự chăm sóc sức khỏe NCT vào các câu lạc bộ liên thể hệ và các loại hình câu lạc bộ của NCT khác.

- + Duy trì hoạt động của câu lạc bộ chăm sóc sức khỏe NCT.
- + Lồng ghép nội dung chăm sóc sức khỏe vào các loại hình câu lạc bộ của NCT khác.
- + Tổ chức các hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ tập trung có nội dung chăm sóc sức khỏe NCT.
- + Tổ chức hội thi sáng tác tiểu phẩm truyền thông về chăm sóc sức khỏe NCT.

3. Chăm sóc sức khỏe NCT tại cộng đồng:

- Tổ chức khám sức khỏe, lập hồ sơ theo dõi sức khỏe cho NCT.
- Khám sức khỏe định kỳ NCT được thực hiện ít nhất 01 lần/năm với đầy đủ các chuyên khoa theo quy định.
- Khám bệnh, chữa bệnh NCT tại Trạm Y tế xã, phường, thị trấn và tại nơi cư trú của NCT:
 - + Đối với người có thẻ bảo hiểm y tế (BHYT): được khám, điều trị, cấp thuốc theo danh mục, định mức BHYT quy định.
 - + Đối với người chưa có thẻ BHYT (đối tượng từ 60 - 79 tuổi): địa phương cân đối nguồn ngân sách hỗ trợ chi phí khám, điều trị, cấp thuốc với định mức như người có thẻ BHYT.
 - Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng NCT bị tàn tật để phòng ngừa và phục hồi các di chứng do chấn thương, tai nạn hoặc do các bệnh tai biến mạch máu não, bệnh mãn tính, bệnh nghề nghiệp và các bệnh khác.
 - Cân đối nguồn ngân sách và vận dụng các nguồn kinh phí vận động xã hội hóa khác tại địa phương để hỗ trợ thuốc ngoài danh mục BHYT để điều trị bệnh cho NCT tại địa phương khi được khám tại cộng đồng hoặc tại Trạm Y tế (áp dụng những trường hợp cần sử dụng thuốc ngoài danh mục BHYT).

4. Chăm sóc sức khỏe NCT tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:

- Khám bệnh, chữa bệnh nội trú và ngoại trú thực hiện theo các quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh và Luật BHYT; đồng thời, thực hiện công tác khám bệnh, chữa bệnh kết hợp y học hiện đại và y học cổ truyền đối với NCT theo hướng dẫn tại Thông tư số 50/2010/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế về hướng dẫn việc kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại trong quá trình khám bệnh, chữa bệnh.
- Nghiên cứu khoa học, áp dụng những tiến bộ khoa học công nghệ vào việc phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và nâng cao sức khỏe NCT.
- Chỉ đạo tuyến: chỉ đạo, hỗ trợ, chuyển giao chuyên môn kỹ thuật của các bệnh viện tuyến trên cho tuyến dưới.
- Hợp tác, trao đổi kinh nghiệm về phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, nghiên cứu khoa học và đào tạo cán bộ về chuyên ngành Lão khoa với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

- Khảo sát nghiên cứu các nội dung của bộ tiêu chí: tham gia xây dựng bộ tiêu chí của xã, phường, thị trấn phù hợp với NCT (vệ sinh, rèn luyện sức khỏe, tổ chức thi,...), hướng dẫn triển khai thí điểm phong trào xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với NCT. Đánh giá kết quả và phát động phong trào xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với NCT.

5. Trách nhiệm thực hiện chăm sóc sức khỏe NCT tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:

- Bệnh viện Đa khoa, Trung tâm Y tế tuyến huyện bố trí giường bệnh điều trị nội trú và tổ chức buồng khám bệnh riêng cho NCT; căn cứ vào nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh của NCT, khuyến khích các bệnh viện thành lập Khoa Lão khoa khi có đủ điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế và nhân lực.

- Trung tâm Y tế tuyến huyện tổ chức đoàn khám sức khỏe định kỳ với đầy đủ các chuyên khoa theo quy định cho NCT tại cộng đồng (ít nhất 01 lần/năm).

- Trạm Y tế xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Trạm Y tế xã):

+ Tổ chức khám bệnh, chữa bệnh cho NCT phù hợp với chuyên môn và chức năng, nhiệm vụ của Trạm Y tế; đồng thời tham mưu UBND xã, Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố tổ chức thành lập các đoàn khám bệnh cho NCT tại cộng đồng.

+ Tổ chức khám bệnh, chữa bệnh cho NCT cô đơn theo quy định Khoản 2 Điều 13 Luật NCT.

6. Trách nhiệm thực hiện chăm sóc sức khỏe cho NCT tại cộng đồng:

- Trách nhiệm của UBND xã, phường, thị trấn:

+ Hỗ trợ chi phí đi lại từ Trạm Y tế xã đến nơi ở của NCT (đi và về) cho cán bộ y tế để đến khám bệnh, chữa bệnh tại nhà cho NCT đối với trường hợp NCT cô đơn bị bệnh nặng không thể đến khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

+ Hỗ trợ chi phí hoặc phương tiện đi lại cho NCT cô đơn, bị bệnh nặng phải đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo đề nghị của Trạm Y tế xã. Mức hỗ trợ theo giá vé phương tiện vận tải hành khách công cộng hoặc giá thuê thực tế phương tiện vận chuyển (trường hợp không có phương tiện vận tải hành khách công cộng).

+ Định mức hỗ trợ chi phí đi lại trong trường hợp quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 1 Điều 4 của Thông tư số 35/2011/TT-BYT ngày 15 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế được thực hiện theo Thông tư số 96/2018/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 18 tháng 10 năm 2018 quy định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho NCT tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ; ưu đãi tín dụng và biểu dương, khen thưởng NCT.

+ Tổ chức và chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể địa phương tăng cường vận động NCT tham gia BHYT để được hưởng những chính sách mà BHYT cung cấp.

+ Căn cứ số lượng NCT chưa tham gia BHYT, cân đối nguồn ngân sách địa phương hỗ trợ chi phí khám và cấp thuốc trong các đợt khám sức khỏe định kỳ trong năm.

+ Căn cứ số lượng NCT tại địa phương tham mưu với UBND huyện, thị xã, thành phố cân đối khả năng nguồn ngân sách và vận dụng các nguồn kinh phí vận động xã hội hóa khác để hỗ trợ thuốc ngoài danh mục BHYT để điều trị bệnh cho NCT tại địa phương khi được khám tại cộng đồng hoặc tại Trạm Y tế (áp dụng những trường hợp cần sử dụng thuốc ngoài danh mục BHYT).

- Trách nhiệm của Trạm Y tế xã:

+ Triển khai thực hiện chăm sóc sức khỏe cho NCT tại cộng đồng theo quy định Thông tư số 35/2011/TT-BYT;

+ Cử cán bộ y tế đến khám bệnh, chữa bệnh tại nơi cư trú đối với NCT cô đơn, bị bệnh nặng không thể đến khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

+ Hàng năm, lập kế hoạch, dự trù kinh phí tổ chức các hoạt động truyền thông, lập hồ sơ theo dõi, quản lý sức khỏe NCT, bao gồm cả khám sức khỏe định kỳ quy định tại Khoản 4, Điều 3 Thông tư số 35/2011/TT-BYT, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Thông tư số 21/2011/TT-BTC; chúc thọ, mừng thọ và biểu dương, khen thưởng NCT.

+ Phối hợp cùng các ban ngành, đoàn thể địa phương tăng cường vận động NCT tham gia BHYT.

+ Vận động người nhà, người thân của NCT có trách nhiệm chủ động chăm sóc sức khỏe NCT; phối hợp với tình nguyện viên và cán bộ y tế trong chăm sóc sức khỏe NCT; mua BHYT cho NCT.

+ Vận động NCT có trách nhiệm tự bảo vệ, chăm sóc sức khỏe; phối hợp với tình nguyện viên và cán bộ y tế để chăm sóc sức khỏe cho bản thân.

7. củng cố, hoàn thiện hệ thống cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám chữa bệnh cho NCT:

- Nâng cao năng lực cho y tế cơ sở bao gồm cả Trạm Y tế xã, phường, thị trấn để tăng cường triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe ban đầu cho NCT tại gia đình và cộng đồng.

+ Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực về chăm sóc sức khỏe NCT cho cán bộ y tế cơ sở, bao gồm cả Trạm Y tế xã, phường, thị trấn; bổ sung trang thiết bị thiết yếu cho y tế cơ sở và Trạm Y tế xã, phường, thị trấn thực hiện các nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe NCT và phục hồi chức năng cho NCT tại cộng đồng; thường xuyên tổ chức thực hiện chăm sóc sức khỏe NCT tại Trạm Y tế xã, phường, thị trấn theo quy định.

+ Tổ chức chăm sóc sức khỏe NCT tại Trạm Y tế xã, phường, thị trấn để khám sàng lọc một số bệnh thường gặp ở NCT và lập hồ sơ theo dõi sức khỏe cho NCT.

- Nâng cao năng lực cho các Khoa lão của Bệnh viện Đa khoa tỉnh và các Trung tâm Y tế thực hiện khám, chữa bệnh cho NCT.

+ Khảo sát về thực trạng nhân lực, cơ sở vật chất và trang thiết bị chăm sóc sức khỏe NCT; xây dựng quy định về tiêu chí phòng khám lão khoa, khoa lão, khu có giường điều trị người bệnh là NCT.

+ Cung cấp trang thiết bị cho các phòng khám lão khoa, khoa lão, khu có giường điều trị người bệnh là NCT của Bệnh viện Đa khoa tỉnh và các Trung tâm Y tế.

+ Tổ chức tập huấn và chuyển giao kỹ thuật cho các phòng khám lão khoa, khoa lão, khu có giường điều trị người bệnh là NCT của Bệnh viện Đa khoa tỉnh, và các Trung tâm Y tế.

8. Phát triển nguồn nhân lực chăm sóc sức khỏe NCT:

- Đào tạo bác sỹ chuyên khoa lão khoa; đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về lão khoa cho cán bộ chăm sóc NCT.

- Xây dựng chương trình và tài liệu đào tạo về chăm sóc sức khỏe NCT cho người chăm sóc sức khỏe NCT.

- Tổ chức tập huấn về chăm sóc sức khỏe NCT cho người nhà NCT, chủ nhiệm câu lạc bộ để hướng dẫn NCT tự chăm sóc sức khỏe.

9. củng cố, phát triển hệ thống chỉ báo thống kê về quản lý chăm sóc sức khỏe NCT:

- Xây dựng các chỉ tiêu thống kê và chỉ tiêu báo cáo, quản lý, giám sát chăm sóc sức khỏe NCT.

- Xây dựng hệ thống tin quản lý và cơ sở dữ liệu điện tử quản lý công tác chăm sóc sức khỏe NCT.

- Thực hiện đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ để kiểm điểm thực hiện các mục tiêu của đề án, các hoạt động quản lý đề án.

V. Kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí thực hiện: 24.290.000.000 đồng (hai mươi bốn tỷ hai trăm chín mươi triệu đồng), trong đó:

- Kinh phí trung ương giai đoạn 2019-2025: 7.676.270.000 đồng.

- Kinh phí địa phương thực hiện giai đoạn 2019-2025: 16.613.730.000 đồng.

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Mục tiêu 1: Nâng cao nhận thức, tạo môi trường xã hội đồng thuận và phong trào toàn xã hội tham gia chăm sóc sức khỏe NCT	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000
2	Mục tiêu 2: Nâng cao sức khỏe của NCT trên cơ sở nâng cao kiến thức, kỹ năng tự chăm sóc sức khỏe và tăng khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu của NCT (đào tạo và khám sức khỏe định kỳ cho NCT)	2.760.000	2.760.000	2.760.000	2.760.000	2.760.000	2.760.000	2.760.000

3	Mục tiêu 3: 100% NCT có BHYT bằng hình thức tuyên truyền vận động	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000
4	Mục tiêu 4: Đáp ứng ngày càng đầy đủ nhu cầu chăm sóc sức khỏe dài hạn của NCT tại gia đình, cộng đồng và trong cơ sở chăm sóc sức khỏe tập trung.	380.000	380.000	380.000	380.000	380.000	380.000	380.000
	TỔNG KINH PHÍ	3.470.000	3.470.000	3.470.000	3.470.000	3.470.000	3.470.000	3.470.000

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể và UBND huyện, thị xã, thành phố thực hiện kế hoạch; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình triển khai thực hiện hoạt động của kế hoạch và định kỳ hàng năm báo cáo UBND tỉnh.

- Chỉ đạo Bệnh viện Đa khoa tỉnh, các Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố thành lập khoa lão (nếu chưa có) hoặc bố trí một số giường bệnh để khám, điều trị và chăm sóc cho NCT. Có kế hoạch đào tạo bác sĩ chuyên ngành Lão khoa cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Chỉ đạo Chi cục DS - KHHGD tỉnh chủ trì làm đầu mối tham mưu, phối hợp với các đơn vị có liên quan và Hội NCT tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch chăm sóc sức khỏe NCT đạt hiệu quả; xây dựng dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch chăm sóc sức khỏe cho NCT trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các địa phương triển khai thực hiện tốt các chính sách đối với NCT, đặc biệt là trợ giúp xã hội, mua thẻ BHYT, góp phần vào công tác chăm sóc sức khỏe NCT.

- Lồng ghép các hoạt động chăm sóc sức khỏe NCT vào chương trình, kế hoạch hoạt động của ngành; phối hợp với Sở Y tế, Ban đại diện Hội NCT tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thống kê số NCT, làm cơ sở để xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động hàng năm phù hợp với tình hình thực tế địa phương.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế cân đối và phân bổ nguồn lực cho kế hoạch; xây dựng cơ chế, chính sách huy động các nguồn lực để thực hiện kế hoạch; phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn UBND huyện, thị xã, thành phố lồng ghép có hiệu quả kế hoạch với các dự án thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số và các Chương trình mục tiêu khác trên địa bàn.

4. Sở Tài chính:

Sở Tài chính cùng các cơ quan đơn vị liên quan theo chức năng nhiệm vụ và căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương để phối hợp thực hiện kế hoạch theo đúng quy định.

5. Sở Nội vụ:

Phối hợp với Sở Y tế trong việc quy hoạch, đào tạo cán bộ đại học về chuyên ngành Lão khoa và bố trí nguồn nhân lực cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để đáp ứng nhu cầu phục vụ chăm sóc sức khỏe NCT.

6. Sở Thông tin và Truyền thông:

Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Hậu Giang và các cơ quan thông tin đại chúng đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền chăm sóc sức khỏe NCT.

7. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Hậu Giang:

Phối hợp với Sở Y tế xây dựng và phát sóng các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền nội dung cung cấp dịch vụ khám sức khỏe cho người NCT.

8. Hội Người cao tuổi tỉnh:

Phối hợp cùng Sở Y tế thực hiện nội dung kế hoạch; huy động NCT tham gia sinh hoạt trong hội NCT tại địa phương; tham gia khám sức khỏe NCT tại cộng đồng, vận động NCT tham gia BHYT tự nguyện.

9. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể:

Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, vận động NCT tham gia BHYT; vận động các tầng lớp nhân dân, đoàn viên, hội viên chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng về công tác dân số trong tình hình mới. Xây dựng quy chế thực hiện chính sách Dân số; kịp thời biểu dương, khen thưởng đối với những tập thể, cá nhân thực hiện tốt và xử lý nghiêm các cá nhân vi phạm chính sách Dân số - KHHGD.

10. UBND huyện, thị xã, thành phố:

- Tổ chức thực hiện kế hoạch tại địa phương; huy động và bố trí nguồn kinh phí tổ chức triển khai hiệu quả các hoạt động của kế hoạch này.

- Cân đối ngân sách địa phương hỗ trợ chi phí cấp thuốc ngoài danh mục BHYT cho NCT.

- Kiểm tra, giám sát và báo cáo kết quả về UBND tỉnh (*thông qua Chi cục Dân số - KHHGD tỉnh*).

- Chỉ đạo UBND xã, phường, thị trấn căn cứ vào số lượng NCT thực tế hàng năm bố trí nguồn kinh phí về công tác:

- + Hỗ trợ chi phí đi lại từ Trạm Y tế xã đến nơi ở của NCT (đi và về) cho cán bộ y tế để đến khám bệnh, chữa bệnh tại nhà cho NCT đối với trường hợp NCT cô đơn bị bệnh nặng không thể đến khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- + Hỗ trợ chi phí hoặc phương tiện đi lại cho NCT cô đơn, bị bệnh nặng phải đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo đề nghị của Trạm Y tế xã.

+ Hỗ trợ chi phí khám và cấp thuốc cho NCT chưa tham gia bảo hiểm y tế trong các đợt khám sức khỏe định kỳ trong năm.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2019 - 2020, đến năm 2025; đề nghị các sở, ban, ngành, MTTQ, các đoàn thể tỉnh, UBND huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2015 của UBND tỉnh về việc thực hiện chăm sóc sức khỏe người cao tuổi giai đoạn 2015 - 2020 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, đề nghị cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Tổng cục Dân số;
- TT: TU, HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN các đoàn thể tỉnh;
- Ban tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Lưu: VT, VX.LHT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Ngày ký: 08/01/2019 13:40
Người ký: Ủy ban nhân dân
Cơ quan: Ủy ban nhân dân
Tỉnh Hậu Giang
Quốc gia: VN

Đồng Văn Thanh